

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC MẦM NON; GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I/ THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG QUANG TRUNG - QUẬN GÒ VẤP**

2. Địa chỉ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ: Số 387 Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, TP.HCM
- Điện thoại: 028.38940409
- Thư điện tử: thcsquangtrung.govap@hcm.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: thcsquangtrung.govap.hcm.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Quang Trung là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1 Triết lý giáo dục

Tự học – Tự điều chỉnh

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng nâng cao, được cha mẹ học sinh tin tưởng; học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện. Nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới phát huy năng lực của mình. Học sinh chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm.

4.3. Sứ mệnh.

Đào tạo những con người có nhân cách, có tri thức, có thể lực để cống hiến cho xã hội.

4.4. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

Truyền thống – Đoàn kết – Đổi mới

4.5. Mục tiêu chung

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; giáo viên; nhân viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Có khả năng tự khám phá, phát triển và vận dụng kiến thức, có trách nhiệm với bản thân gia đình và xã hội, biết hợp tác, giao tiếp và nỗ lực phấn đấu trong học tập và rèn luyện.
- Huy động nguồn lực để phát triển nhà trường. Hoàn thiện cơ sở vật chất,

thiết bị, đáp ứng công tác đổi mới giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Quang Trung được thành lập năm 1980 – 1981 trên cơ sở nhập 2 Trường Phạm Ngũ Lão và Thông Tây Hội thuộc địa bàn phường 11 Quận Gò Vấp. Năm học 1990 – 1991 trường được đổi địa điểm về số 387 Quang Trung phường 10 Gò Vấp. Năm 2003 – 2004 Trường được Quận và Thành phố cho xây dựng mới hoàn toàn với tổng kinh phí xây dựng là 10,8 tỷ đồng. Ngày khai giảng năm học 2004 – 2005 chính là ngày khánh thành trường mới. Trường Trung học cơ sở Quang Trung được thành lập và đổi tên theo quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp về việc đổi tên trường cấp 2 Quang Trung thành trường THCS Quang Trung.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

- Hiệu trưởng: Dương Hữu Đức
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Quang Trung (số 387 Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, TP.HCM).
- Số điện thoại: 0982801809
- Địa chỉ thư điện tử: dhdhuc.govap@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Trường Trung học cơ sở Quang Trung được đổi tên theo quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp về việc đổi tên trường cấp 2 Quang Trung thành trường THCS Quang Trung.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường: Quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, các dự án trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết định về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường và việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Quyết định 1235/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Quang Trung nhiệm kỳ 2021 - 2026

Chủ tịch Hội đồng trường: Ông Dương Hữu Đức - Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng và 10 thành viên theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường THCS, THPT và trường PT có nhiều cấp học.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng;

Quyết định số 2902/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng;

Quyết định số 4699/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên, người lao động theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, nhà trường. Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

- Các hoạt động giáo dục thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, được tổ chức trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường, nhằm thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

II. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Stt	Nội dung	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1.	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo + Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành - Vị trí Hiệu trưởng - Vị trí Phó Hiệu trưởng + Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành - Vị trí việc làm Giáo viên THCS - Vị trí việc làm Giáo vụ + Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung - Vị trí việc làm Thư viện viên hạng IV - Vị trí việc làm Kế toán viên trung cấp trở lên - Vị trí việc làm Nhân viên Thủ quỹ - Vị trí việc làm Văn thư viên trung cấp - Vị trí việc làm Y tế học đường + Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ - Vị trí việc làm nhân viên Bảo vệ - Vị trí việc làm nhân viên Phục vụ - Vị trí việc làm nhân viên Nấu ăn (cấp dưỡng)	3 1 2 73 72 1 5 1 1 1 1 1 1 14 03 04 07	3 1 2 72 71 1 5 1 1 1 1 1 14 03 04 07
2.	Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định + Đạt chuẩn nghề nghiệp - Cán bộ quản lý - Giáo viên	69 3 66	68 3 65
3.	Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định - Cán bộ quản lý - Giáo viên	75 3 72	74 3 71

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

Stt	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1)	- Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho	5311 2.36m ² /HS	5311 2.36m ² /HS

	một học sinh; - Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định		
2)	- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị;	12	12
	- Khối phòng học tập;	45	45
	- Khối phòng hỗ trợ học tập;	3	3
	- Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao;	1	1
	- Khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; - Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	20	20
3)	- Số thiết bị dạy học hiện có; - Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định		1086
4)	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	503	280
		246	211

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

Stt	Nội dung	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá	Kết quả tự đánh giá * Mức 1: + Tổng số tiêu chí đạt: 28/28, tỉ lệ: 100%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 0/28, tỉ lệ: 0%. * Mức 2: + Tổng số tiêu chí đạt: 23/28, tỉ lệ: 82,14%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 05/28, tỉ lệ: 17,86%. * Mức 3: + Tổng số tiêu chí đạt: 07/20 và tỉ lệ: 35% + Tổng số tiêu chí không đạt: 13/20 và tỉ lệ: 65% - Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về	Kết quả tự đánh giá * Mức 1: + Tổng số tiêu chí đạt: 28/28, tỉ lệ: 100%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 0/28, tỉ lệ: 0%. * Mức 2: + Tổng số tiêu chí đạt: 23/28, tỉ lệ: 82,14%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 05/28, tỉ lệ: 17,86%. * Mức 3: + Tổng số tiêu chí đạt: 07/20 và tỉ lệ: 35% + Tổng số tiêu chí không đạt: 13/20 và tỉ lệ: 65% - Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục &

		việc Ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, mức đánh giá nhà trường đạt được là: Mức 1.	Đào tạo về việc Ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, mức đánh giá nhà trường đạt được là: Mức 1.
2	Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm	Mức 1: + Tổng số tiêu chí đạt: 28/28, tỉ lệ: 100%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 0/28, tỉ lệ: 0%. * Mức 2: + Tổng số tiêu chí đạt: 23/28, tỉ lệ: 82,14%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 05/28, tỉ lệ: 17,86%. * Mức 3: + Tổng số tiêu chí đạt: 04/20 và tỉ lệ: 20% + Tổng số tiêu chí không đạt: 16/20 và tỉ lệ: 80% - Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, mức đánh giá nhà trường đạt được là: Mức 1.	Mức 1: + Tổng số tiêu chí đạt: 28/28, tỉ lệ: 100%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 0/28, tỉ lệ: 0%. * Mức 2: + Tổng số tiêu chí đạt: 23/28, tỉ lệ: 82,14%. + Tổng số tiêu chí không đạt: 05/28, tỉ lệ: 17,86%. * Mức 3: + Tổng số tiêu chí đạt: 04/20 và tỉ lệ: 20% + Tổng số tiêu chí không đạt: 16/20 và tỉ lệ: 80% - Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, mức đánh giá nhà trường đạt được là: Mức 1.

4. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

Stt	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
-----	----------	-------------	-------------------------------

1.	- Kết quả tuyển sinh; - Tổng số học sinh theo từng khối; - Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; - Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; - Số lượng học sinh nam/học sinh nữ, - Học sinh là người dân tộc thiểu số, - Học sinh khuyết tật; - Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.	530 530;744;547;428 48 2249 1139/1110 38 28 105/102	755 755;552;438;504 49 2249 1129/1120 43 32 163/159
2.	- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.		7
3.	- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; - Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.		500

5. Kết quả hoạt động giáo dục

Stt	Nội dung	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1.	Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.	Có xây dựng kế hoạch thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.	Có xây dựng kế hoạch thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.
2.	Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục.	Đang xây dựng	Số 344/KH -THCS.QT ngày 15/9/2023 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024
3.	Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.	Đang xây dựng	Số 455/QĐ-THCS.QT ngày 31/10/2023 về Quy chế phối hợp giữa nhà trường- gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh - Năm học 2023-2024
4.	Các chương trình, hoạt	Đang xây dựng	Có xây dựng

	động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.		
5.	Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có)	Xây dựng hàng tuần, công khai trên eNtviet	Xây dựng hàng tuần, công khai trên eNtviet

6. Kết quả công tác thu, chi tài chính

Báo cáo tình hình công khai tài chính từ tháng 01/2024 đến tháng 05/2024

1. Các loại tiền và dự toán ngân sách :

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Tiền mặt	6,718,520	5,258,540,803	5,259,810,593	5,448,730
2	Tiền gửi ngân hàng	4,002,726,995	21,739,853,390	20,850,796,442	4,891,783,943
3	Tiền gửi kho bạc (học phí công lập)	1,500,922,043	2,150,640,000	1,092,864,979	2,558,697,064
4	Tiền gửi kho bạc (các quỹ)		22,100,000	16,560,000	5,540,000
5	Dự toán được giao	322,978,346	26,052,535,000	9,745,270,812	16,630,242,534
	Nguồn 12	0	6,245,604,000	2,498,219,424	3,747,384,576
	Nguồn 14 (9527)	186,807,548	7,287,953,000	2,329,128,634	5,145,631,914
	Nguồn 13	35,107,333	10,591,121,000	4,105,260,856	6,520,967,477
	Nguồn 14 (9523)	101,063,465	1,927,857,000	812,661,898	1,216,258,567
	TỔNG CỘNG	6,156,324,250	55,223,669,193	36,965,302,826	24,091,712,271
	2. Công khai thu chi các nguồn :		-	-	
STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Học buổi 2		1,561,343,750	1,482,142,718	79,201,032
2	Cần tin	463,100,000	125,400,000	358,700,000	229,800,000
3	Xe	52,092,000		42,717,000	9,375,000
4	Tin học IC3		742,560,000	501,451,000	241,109,000
5	Kỹ năng sống		772,940,000	577,152,720	195,787,280
6	Tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (ISMART)		983,600,000	777,292,550	206,307,450

7	Quản lý và phục vụ bán trú	6,887,810	1,105,000,000	1,084,731,341	27,156,469
8	Tiếng anh bản ngữ		1,266,952,500	1,208,569,757	58,382,743
9	Tăng cường tiếng anh		74,235,500	69,978,650	4,256,850
10	Học tích hợp		513,458,370	416,691,000	96,767,370
11	Vệ sinh phí	4,416,696	138,245,000	89,552,141	53,109,555
12	Thiết bị, vật dụng bán trú	29,397,063	735,000	27,370,000	2,762,063
	TỔNG CỘNG	555,893,569	7,284,470,120	6,636,348,877	1,204,014,812
	3. Công khai thu chi các nguồn : Thu hỗ trợ	Tồn đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Tiền ăn	100,857,811	4,195,260,000	3,459,378,776	836,739,035
2	Bảo hiểm y tế	3,706,920	14,288,400	17,995,320	0
3	Bảo hiểm tai nạn	12,634,460			12,634,460
4	Tiền nước	7,842,025	92,738,250	81,970,500	18,609,775
5	Tiền tin nhắn số liên lạc điện tử	9,650,000	213,312,500		222,962,500
6	Học phẩm	26,373,156	33,465,000	28,125,000	31,713,156
7	Ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến	1,520,000	111,450,000		112,970,000
8	Tiền điện và bảo trì cá lớp có gắn máy lạnh	64,637,648	198,267,000	252,731,622	10,173,026
9	Tiền giữ xe học sinh	8,807,740	24,099,000	20,676,220	12,230,520
10	TỔNG CỘNG	236,029,760	4,882,880,150	3,860,877,438	1,258,032,472
	4. Công khai thu chi các nguồn : Quỹ	Tồn đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Quỹ phúc lợi	27,731,355	1,076,686,066	430,348,016	674,069,405
2	Quỹ khen thưởng	50,256,375	383,957,292	39,330,000	394,883,667
3	Quỹ phát triển HDSN	218,207,515	586,388,621	550,000	804,046,136
4	Quỹ ổn định thu nhập	5,083,993	1,168,750,000	1,168,000,000	5,833,993
	TỔNG CỘNG	301,279,238	3,215,781,979	1,638,228,016	1,878,833,201

7. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm khác

Stt	Nội dung	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1.	Công tác Bồi dưỡng Học sinh giỏi.	Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có chất lượng tất cả các cuộc thi cấp quận, cấp thành phố + Dạy học theo chủ đề Stem: 02 giáo viên đạt giải ba cấp Thành phố. + An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai: 01 giải khuyến khích cấp Thành phố. + Giáo viên dạy giỏi cấp quận: 09 giáo viên được công nhận. + Cấp Quận: MTCT (4 giải); VHCT (6 giải); KTKT (8 giải); HSG các bộ môn (22 giải); NCKH (6 giải); An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai (4 giải); cuộc thi “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em:” (1 giải). + Cấp TP: VHCT (1 giải ba); MTCT (1 giải ba), NCKH (3 giải ba), Học sinh giỏi lớp 9 (3 giải nhì, 6 giải ba), KTKT (3 giải nhất; 1 giải nhì, 1 giải ba). + Tích cực tham gia các hoạt động phong trào: NVX cấp Quận (6 giải), NVX cấp TP (1 giải KK); giải KK cấp quận ngày hội KHCN và Đôi mới sáng tạo năm 2024. + Hoạt động TDTT cấp Quận: 16 HCV; 14 HCB; 26 HCD (xếp hạng ba cấp THCS); cấp Thành phố đạt 5 HCV; 9 HCB, 8 HCD, Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc đạt 2 HCV; 4 HCD. + Tổ chức thi giáo viên dạy	Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có chất lượng tất cả các cuộc thi cấp quận, cấp thành phố + Cuộc thi Giải toán nhanh bằng máy tính cầm tay: 02 học sinh đạt cấp quận; 01 giải II cấp thành phố. + Khéo tay kỹ thuật: 03 giải cấp Quận và 01 giải II cấp thành phố. + Văn Hay chữ tốt: 05 giải cấp Quận và 01 giải I cấp thành phố. + Học sinh đạt học sinh giỏi cấp Quận: 12 học sinh; Thành phố: 03 học sinh. + Thể dục thể thao cấp thành phố đạt 3 huy chương vàng, 5 huy chương bạc. + Học sinh tham gia tích cực các hội thi trực tuyến: An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai đạt giải cấp quận + Tham gia cuộc thi “Ý tưởng, sáng kiến, giải pháp về phân loại thu gom, tái chế tái sử dụng rác thải nhựa” trên địa bàn quận Gò Vấp đạt giải 3 cấp quận + Tham gia Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp quận đạt 7 Giáo viên trong đó 01 giáo viên đạt giải giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố.

		giỏi cấp quận, cấp thành phố: 9 giáo viên đạt. + Hoạt động TDTT cấp Quận: 16 HCV; 14 HCB; 26 HCD (xếp hạng ba cấp THCS); cấp Thành phố đạt 5 HCV; 9 HCB. 8 HCD. Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc đạt 2 HCV; 4 HCD.	
2.	Công tác thi đua	* Tập thể 1/ Tập thể Lao động tiên tiến 2/ Tập thể Lao động Xuất sắc 3/Bằng khen của UBND Thành phố * Đoàn thể: - Chi bộ: HTXSNV - Công đoàn: HTTNV - Chi đoàn: HTTNV - Liên đội: HTTNV * Cá nhân - 88 CB-GV-NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến - 16 CB-GV đạt danh hiệu CSTĐCS - 02 GV đề nghị nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	* Tập thể 1/ Tập thể Lao động tiên tiến 2/Tập thể Lao động Xuất sắc 3/ Cờ thi đua của UBND Thành phố * Đoàn thể: - Chi bộ: HTXSNV - Công đoàn: HTTNV - Chi đoàn: HTTNV - Liên đội: HTTNV * Cá nhân - 80 CB-GV-NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến - 05 CB-GV đạt danh hiệu CSTĐCS
3.	Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy	- Nhà trường đã khích lệ giáo viên thực hiện các phần mềm dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, thu hút, khơi gợi sự đam mê của học sinh. K12Online, Google Meet, Zoom, Classin. Hiện tại, song song với dạy bồi dưỡng HSG trực tiếp do Phòng Giáo dục & Đào tạo tổ chức do Ban giảng viên quận giảng dạy thì giáo viên của trường tổ chức dạy	Nhà trường đã khích lệ giáo viên thực hiện các phần mềm dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, thu hút, khơi gợi sự đam mê của học sinh. K12Online, Google Meet, Zoom, Classin. Hiện tại, song song với dạy bồi dưỡng HSG trực tiếp do Phòng Giáo dục & Đào tạo tổ chức do Ban giảng viên quận giảng dạy thì giáo

	online cho các em tham gia đội tuyển bằng các hình thức Google Meet, Zoom. - Nhà trường sử dụng các phần mềm ứng dụng trong quản lý tài chính, nhân sự: Phần mềm quản lý CC-VC; Phần mềm quản lý thu phí, lệ phí SSC; Phần mềm kê khai BHXH; Phần mềm quản lý Kế toán HCSN-Imas. - Tất cả CB-GV-NV khi tham dự các cuộc họp đều được điểm danh bằng mã QR. - CB-GV-NV khi thực hiện các báo cáo số liệu đều thực hiện qua hình thức google form. - Giáo viên được tạo tài khoản trên google drive để lưu trữ dữ liệu. - Giáo viên tham gia các cuộc thi cũng bằng hình thức xác thực qua mã QR và báo cáo qua đường link google form. - Hồ sơ của đơn vị đã được tích hợp dữ liệu GIS chung toàn ngành. - Quản lý khoa học tình hình biến động học sinh (chuyển đi, chuyển đến) một các khoa học, để tra cứu. - Tất cả hồ sơ học sinh đã xác thực với CSDL quốc gia về dân cư. - Tra cứu kết quả các cuộc thi, hội thi của giáo viên, học sinh qua trang quanly.edu.vn. - Nhà trường thực hiện báo	viên của trường tổ chức dạy online cho các em tham gia đội tuyển bằng các hình thức Google Meet, Zoom. - Nhà trường sử dụng các phần mềm ứng dụng trong quản lý tài chính, nhân sự: Phần mềm quản lý CC-VC; Phần mềm quản lý thu phí, lệ phí SSC; Phần mềm kê khai BHXH; Phần mềm quản lý Kế toán HCSN-Imas. - Tất cả CB-GV-NV khi tham dự các cuộc họp đều được điểm danh bằng mã QR. - CB-GV-NV khi thực hiện các báo cáo số liệu đều thực hiện qua hình thức google form. - Giáo viên được tạo tài khoản trên google drive để lưu trữ dữ liệu. - Giáo viên tham gia các cuộc thi cũng bằng hình thức xác thực qua mã QR và báo cáo qua đường link google form. - Hồ sơ của đơn vị đã được tích hợp dữ liệu GIS chung toàn ngành. - Quản lý khoa học tình hình biến động học sinh (chuyển đi, chuyển đến) một các khoa học, để tra cứu. - Tất cả hồ sơ học sinh đã xác thực với CSDL quốc gia về dân cư. - Tra cứu kết quả các cuộc thi, hội thi của giáo viên, học sinh qua trang
--	---	---

		cáo thống kê tiến độ hoàn thành hồ sơ cuối cấp trên trực tuyến sinh đầu cấp, báo cáo tình hình nhân sự, báo cáo hoạt động chuyên môn đột xuất, định kỳ. - Nhà trường được cấp trên phối hợp với doanh nghiệp Công nghệ giáo dục Viettel đánh giá “Đáp ứng tốt” về chuyển đổi số trong dạy học tại thời điểm tháng 01/2024 trong Hội nghị triển khai chuyển đổi số trong các CSGD của ngành giáo dục quận Gò Vấp.	quanly.edu.vn. - Nhà trường thực hiện báo cáo thống kê tiến độ hoàn thành hồ sơ cuối cấp trên trực tuyến sinh đầu cấp, báo cáo tình hình nhân sự, báo cáo hoạt động chuyên môn đột xuất, định kỳ. - Nhà trường được cấp trên phối hợp với doanh nghiệp Công nghệ giáo dục Viettel đánh giá “Đáp ứng tốt” về chuyển đổi số trong dạy học tại thời điểm tháng 01/2024 trong Hội nghị triển khai chuyển đổi số trong các CSGD của ngành giáo dục quận Gò Vấp.
--	--	--	---

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Đương Hữu Đức

